TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/DS -ST
Ngày: 30 – 3 – 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản **"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
  Thẩm phán - Chủ toà phiên toà : Ông Nguyễn Văn Thịnh
  Hội thẩm nhân dân:
  Bà Lê Thị Huyền.
  Bà Đào Thị Thu Phương.
- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Mạnh Cường – Thư ký tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 13/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam**

Địa chỉ: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội sách huyện T.

Người đại diện theo Ủy quyền của ông Trần Văn Q là:

Bà Đoàn Thị T – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội sách huyện T (có mặt)

2. *Bị đơn* : Bà **Đoàn Thị L** , sinh năm: 1956; địa chỉ: Thôn B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Thế T**, sinh năm 1957; Trú tại: Tổ dân phố số B, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đoàn Thị T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn vay của gia đình bà Đoàn Thị L, theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và chương trình cho vay hộ cận nghèo. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nam Trực (viết tắt là NHCSXH) đã giải ngân cho gia đình bà Đoàn Thị L vay các khoản như sau :

+ Khoản vay theo chương trình Học sinh sinh viên (viết tắt là khoản vay Sinh viên) để trang trải chi phí học tập: Từ ngày 24/11/2009 đến ngày 19/01/2012, NHCSXH đã giải ngân cho gia đình bà L vay với 04 kỳ học, tổng số tiền là 18.600.000đ với lãi xuất, theo quy định của thủ tướng chính phủ là từ 24/9/2009 đến 29/4/2010 mức lãi xuất là 0,17%/tháng ; từ 29/4/2010 đến 24/11/2011 mức lãi xuất là 0,5%/tháng ; từ 24/11/2011 đến 19/01/2012 mức lãi xuất là 0,65%/tháng. Lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng. Ngày trả nợ cuối cùng là 15/3/2015. Bà L đã thanh toán trả nợ cho NHCSXH tổng số tiền gốc là 6.000.000đ và tiền lãi 543.618đ. Đến ngày trả nợ cuối cùng, gia đình bà L không thanh toán hết số tiền gốc và tiền lãi còn nợ và xin gia hạn nợ. NHCSXH đã gia hạn nợ đến ngày 15/11/2015, nhưng gia đình bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 20/3/2018, gia đình bà L phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi như sau: Số tiền gốc là 12.600.000đ; số tiền lãi trong hạn từ ngày 24/11/2009 đến ngày 15/11/2015 là: 5.798.021đ; tiền lãi quá hạn từ 15/11/2015 đến ngày 20/3/2018 là 4.027.000 đ – 543.618 (tiền lãi đã thanh toán) = 3.483.382đ.

+ Khoản vay theo chương trình Hộ cận nghèo (viết tắt là khoản vay hộ cận nghèo): Ngày 15/9/2013, NHSCXH đã giải ngân cho gia đình bà L vay số tiền gốc là 25.000.000đ, lãi xuất cho vay là 0,845%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi xuất nợ quá hạn là 1,0985%. Phương thức trả nợ như sau: Ngày 15/6/2014 trả 8.000.000đ; ngày 15/6/2015 trả 8.000.000đ và ngày 15/6/2016 trả 9.000.000đ cùng với tiền lãi phát sinh cho mỗi kỳ trả nợ. Ngày bắt đầu trả nợ 15/6/2014 và hạn cuối cùng là ngày 15/6/2016. Đến hạn cuối cùng gia đình bà L không thanh toán được tiền gốc, lãi và xin gia hạn. NHCSXH đã gia hạn trả nợ đến ngày 15/8/2017. Bà L đã thanh toán tổng số tiền lãi là 11.604.000đ, tạm tính đến ngày 20/3/2018, gia đình bà L còn nợ là: tiền gốc 25.000.000đ và tiền lãi quá hạn là 439.962 đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà L và ông T phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và tiền lãi còn thiếu đối với khoản vay Sinh viên và khoản vay hộ cận nghèo tính đến ngày 20/3/2018 và tiếp tục trả lãi với mức lãi xuất quá hạn, theo hợp đồng vay đã ký, cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc của các khoản vay trên.

Tại phiên Tòa bà Đoàn Thị L vắng mặt nhưng tài liệu trong hồ sơ vụ án bà Đoàn Thị L trình bày và đề nghị:

+ Đối với khoản vay Sinh viên: Gia đình bà có vay tiền gốc là 18.600.000đ, đã thanh toán trả 6.000.000đ. Do kinh tế khó khăn, nên gia đình

bà chưa có điều kiện thanh toán số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu và đề nghị NHCSXH miễn tiền lãi khoản vay này.

+ Đối với khoản vay hộ cận nghèo: Bà thừa nhận có vay số tiền gốc là 25.000.0000đ và tiền lãi như thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền. Bà xin đề nghị thanh toán tiền gốc trong hai năm.

Tại phiên Tòa ông Nguyễn Thế T vắng mặt nhưng tài liệu trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Thế T trình bày và đề nghị: Ông có ký vào hồ sơ vay tiền của NHCSXH về khoản vay sinh viên và khoản vay hộ nghèo. Bà L là người nhận tiền và sử dụng, nên ông không có trách nhiệm trả nợ cho NHCSXH.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng*: Bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Thế T vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[2*] Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 30/10/2009 và ngày 09/6/2013, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ đối với khoản vay Sinh viên và khoản vay Hộ cận nghèo cũng như sự thừa nhận của các bên đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì có cơ sở xác định: Bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Thế T có vay tiền và thanh toán tiền vay cho NHCSXH các khoản như sau:

Khoản vay Sinh viên: Số tiền gốc là 18.600.000 đ với lãi xuất theo quy định của thủ tướng chính phủ cụ thể là từ 24/9/2009 đến 29/4/2010 mức lãi xuất là 0,5%/ tháng; từ 29/4/2010 đến 28/7/2017 mức lãi xuất là 0,65%/tháng; Thời hạn trả nợ sau khi được đã được gia hạn là ngày 15/3/2015. Bà L đã thanh toán cho NHCSXH số tiền gốc là 6.000.000đ và số tiền lãi là 543.618đ, tạm tính đến 20/3/2018 số tiền còn nợ tiền gốc là 12.600.000đ và tiền lãi là 9.282.003đ. Tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là 21.882.003đ

Khoản vay hộ cận nghèo: Số tiền gốc là 25.000.000đ, lãi xuất cho vay là 0,845%/tháng, thời hạn cho vay là 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 15/6/2016, lãi xuất nợ quá hạn là 1,0985%/tháng. Bà L đã thanh toán cho NHCSXH số tiền lãi 11.604.173đ. Tính đến ngày 20/3/2018, còn nợ NHCSXH tiền gốc là 25.000.000đ và tiền lãi là 439.962 đ. Tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là 25.439.962đ.

Bà L là người trực tiếp nhận tiền vay, ông T tuy không nhận tiền nhưng đã biết và cùng ký vào hồ sơ (hợp đồng) vay đối với hai khoản vay trên, nên ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà L thanh toán nợ cho NHCSXH.

Do vậy nguyên đơn yêu cầu bà L, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền gốc và lãi theo các hợp đồng vay mà bà L, ông T đã ký về các các khoản vay sinh viên và khoản vay hộ nghèo là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; bà L và ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự là: (21.882.003đ + 25.439.962đ) x 5% = 2.366.000đ .

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 298, Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Thế T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/3/2018 như sau:

1.1. Đối với khoản vay theo chương trình học sinh sinh viên: Số tiền nợ gốc là 12.600.000đ và tiền lãi là 9.282.000đ, tổng số là 21.882.000đ (hai mươi mốt triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày 20/3/2018 bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Thế T phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi, theo mức lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

1.2. Đối với khoản vay theo chương trình hộ cận nghèo: Số tiền gốc là 25.000.000đ và tiền lãi 439.962 đ, tổng là 25.439.000đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày 20/3/2018 bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Thế T phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả lãi, theo mức lãi suất quá hạn là 1,0985% đối với số tiền gốc chưa trả, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Thế T có trách nhiệm liên đới nộp 2.366.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Thế T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng ười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Chi cục THAdân sự H. Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND huyện, tỉnh: 03 bản
- THADS huyện: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu HS: 01 bản
- Lưu VP: 01 bản

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thịnh